

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

Theo Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH) năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, quy định về chế độ BHXH đối với người lao động (NLĐ) tham gia BHXH bắt buộc gồm có:

1. Chế độ ốm đau quy định tại 08 điều từ Điều 42 đến Điều 49 Luật BHXH 2024

- NLĐ được hưởng chế độ ốm đau khi nghỉ việc thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Điều trị khi mắc bệnh mà không phải bệnh nghề nghiệp;
- + Điều trị khi bị tai nạn mà không phải là tai nạn lao động;
- + Điều trị khi bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;
- + Điều trị, phục hồi chức năng lao động khi thương tật, bệnh tật tái phát do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc do bị tai nạn giao thông được công nhận là tai nạn lao động;
- + Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật;
- + Chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau.

- Thời gian tối đa hưởng chế độ ốm đau trong một năm với điều kiện bình thường thì được hưởng 30 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc dưới 15 năm; 40 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 60 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên. Nếu làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được hưởng 40 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc dưới 15 năm; 50 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 70 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên (*tính theo ngày làm việc*).

- Thời gian hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau trong một năm cho mỗi con tối đa là 20 ngày nếu con dưới 03 tuổi; tối đa là 15 ngày nếu con từ đủ 03 tuổi đến dưới 07 tuổi.

- Mức hưởng trợ cấp ốm đau được tính theo tháng và bằng 75% tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của tháng gần nhất. Mức hưởng trợ cấp ốm đau một ngày được tính bằng mức hưởng trợ cấp ốm đau theo tháng chia cho 24 ngày.

- NLĐ đã nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ đủ 30 ngày trở lên trong một năm mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tối đa 10 ngày trong một năm. Thời gian nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe tối đa:

- + 10 ngày đối với NLĐ sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do mắc bệnh cần chữa trị dài ngày;
- + 07 ngày đối với NLĐ sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do phải phẫu thuật;

- + 05 ngày đối với trường hợp khác.
- Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp ốm đau điều trị nội trú gồm:
 - + Giấy ra viện;
 - + Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án;
 - + Giấy tờ khác chứng minh quá trình điều trị nội trú.
- Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp ốm đau điều trị ngoại trú gồm:
 - + Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội;
 - + Bản chính hoặc bản sao giấy ra viện có ghi chỉ định thời gian cần điều trị ngoại trú sau thời gian điều trị nội trú;
 - + Bản chính hoặc bản sao bản tóm tắt hồ sơ bệnh án có ghi chỉ định thời gian cần điều trị ngoại trú sau thời gian điều trị nội trú.

2. Chế độ thai sản quy định tại 14 điều từ Điều 50 đến Điều 63 Luật BHXH 2024

- NLD được hưởng chế độ thai sản khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - + Lao động nữ mang thai;
 - + Lao động nữ sinh con;
 - + Lao động nữ mang thai hộ;
 - + Lao động nữ nhờ mang thai hộ;
 - + Người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi;
 - + Người lao động sử dụng các biện pháp tránh thai mà các biện pháp đó phải được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
 - + Lao động nam đang tham gia BHXH bắt buộc có vợ sinh con, vợ mang thai hộ sinh con.
- Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi khám thai đối với lao động nữ mang thai tối đa 05 lần, mỗi lần không quá 02 ngày.
- Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đối với lao động nữ khi sinh con là 6 tháng (*180 ngày kể cả ngày lễ, tết, nghỉ hàng tuần*). Đối với lao động nam khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản 05 ngày làm việc; 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần tuổi; 10 ngày làm việc nếu vợ sinh đôi; trường hợp sinh ba trở lên thì được nghỉ thêm 03 ngày làm việc cho mỗi con tính từ con thứ ba trở đi; trường hợp vợ sinh đôi phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc, sinh ba trở lên phải phẫu thuật thì được nghỉ thêm 03 ngày làm việc cho mỗi con tính từ con thứ ba trở đi.
- Mức trợ cấp thai sản bằng 100% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc của 06 tháng gần nhất trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.
- Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thai sản là bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh hoặc bản sao giấy chứng sinh của con.

3. Chế độ hưu trí quy định tại 20 điều từ Điều 64 đến Điều 83 Luật BHXH 2024, điểm mới so với Luật BHXH 2014

- NLD đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định và có tổng thời gian đóng BHXH từ đủ 15 năm trở lên.

- Mức lương hưu hằng tháng quy định:

+ Đối với lao động nữ bằng 45% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH tương ứng 15 năm đóng, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%;

+ Đối với lao động nam bằng 45% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng BHXH tương ứng 20 năm đóng, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

- Hồ sơ đề nghị hưởng lương hưu đối với người tham gia BHXH bắt buộc

+ Sổ bảo hiểm xã hội;

+ Bản chính hoặc bản sao văn bản xác định việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc văn bản chấm dứt làm việc.

4. Chế độ tử tuất quy định tại 10 điều từ Điều 84 đến Điều 93 Luật BHXH 2024

- Đối tượng hưởng chế độ tử tuất của người tham gia BHXH bị chết là thân nhân theo quy định.

- Chế độ tử tuất gồm:

+ Trợ cấp mai táng;

+ Trợ cấp tuất hằng tháng khi con dưới 18 tuổi, con bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; vợ/chồng, cha đẻ, mẹ đẻ đủ tuổi theo quy định.

- Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ tử tuất

+ Sổ bảo hiểm xã hội;

+ Bản sao giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử hoặc bản sao giấy báo tử hoặc bản sao quyết định của Tòa án tuyên bố là đã chết;

+ Tờ khai của thân nhân;

+ Bản chính hoặc bản sao biên bản điều tra tai nạn lao động đối với trường hợp chết do tai nạn lao động; bản sao bệnh án điều trị bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp chết do bệnh nghề nghiệp;

+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa hoặc bản sao giấy xác nhận mức độ khuyết tật đặc biệt nặng có thể hiện kết luận của Hội đồng giám định y khoa ghi rõ tỷ lệ phần trăm suy giảm khả năng lao động đối với thân nhân bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

Chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, vui lòng truy cập đường link

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Luat-Bao-hiem-xa-hoi-2024-557190.aspx>